

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN EVERLAND

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 97 - 99 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (+84 - 24)66668080 - Fax: (+84 - 24) 32001234

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN EVERLAND**

Quý I năm 2021

Hà Nội, tháng 4 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN EVERLAND

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 97 - 99 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (+84 - 24)66668080 - Fax: (+84 - 24) 32001234

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN EVERLAND

Quý I năm 2021

Hà Nội, tháng 4 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN EVERLAND

Báo cáo tài chính riêng

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 97 - 99 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam

Cho kỳ báo cáo

Điện thoại: (+84 - 24)66668080 - Fax: (+84 - 24) 32001234

kết thúc tại ngày 31/03/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu kỳ |
|---|------------|-------------|--------------------------|------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| A.TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 308,054,991,441 | 211,854,846,797 |
| I.Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 1,813,733,837 | 3,089,601,949 |
| 1.Tiền | 111 | V.1 | 1,813,733,837 | 3,089,601,949 |
| 7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | 137 | | (195,294,821) | (195,294,821) |
| IV.Hàng tồn kho | 140 | V.6 | 187,165,024,100 | 183,489,994,377 |
| 1.Hàng tồn kho | 141 | | 187,165,024,100 | 183,489,994,377 |
| V.Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 84,586,161 | 34,477,286 |
| 1.Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8.1 | 78,180,611 | 34,477,286 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 6,405,550 | |
| B.TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC | 200 | | 1,009,707,843,499 | 577,757,943,075 |
| I.Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 302,505,372,150 | 302,151,024,150 |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.5.2 | 302,505,372,150 | 302,151,024,150 |
| II.Tài sản cố định | 220 | | 692,089,182 | 746,536,758 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.7 | 692,089,182 | 746,536,758 |
| - Nguyên giá | 222 | | 4,460,600,462 | 4,460,600,462 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | | (3,768,511,280) | (3,714,063,704) |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | - |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | V.2 | 706,510,382,167 | 274,860,382,167 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | 673,059,700,000 | 241,409,700,000 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 33,450,682,167 | 33,450,682,167 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 1,317,762,834,940 | 789,612,789,872 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN EVERLANDĐịa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 97 - 99 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (+84 - 24)66668080 - Fax: (+84 - 24) 32001234**Báo cáo tài chính riêng**Cho kỳ báo cáo
kết thúc tại ngày 31/03/2021**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu kỳ |
|---|------------|-------------|--------------------------|------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 173,632,676,204 | 98,758,245,571 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 173,482,676,204 | 98,608,245,571 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.10 | 155,418,979,802 | 78,159,293,310 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.11 | 496,149,554 | 3,750,873,838 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.12 | 5,591,955,762 | 5,295,600,475 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 279,892,450 | 899,311,150 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.13 | 2,624,050,956 | 2,725,752,326 |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.14.1 | 599,414,810 | 577,181,602 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.9 | 3,800,000,000 | 2,600,000,000 |
| 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 4,672,232,870 | 4,600,232,870 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 150,000,000 | 150,000,000 |
| 1. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.14.2 | 150,000,000 | 150,000,000 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 1,144,130,158,736 | 690,854,544,301 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.16 | 1,144,130,158,736 | 690,854,544,301 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 1,050,000,000,000 | 600,000,000,000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | (440,700,000) | (234,100,000) |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 33,224,465,740 | 33,224,465,740 |
| 2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 61,346,392,996 | 57,864,178,561 |
| - LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước | 421a | | 57,792,178,561 | 39,723,604,466 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 3,554,214,435 | 18,140,574,095 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 1,317,762,834,940 | 789,612,789,872 |

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Bùi Thị Thanh Thủy

Nguyễn Thị Hồng Lê



Lê Đình Vinh

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN EVERLAND

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 97 - 99 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (+84 - 24)66668080 - Fax: (+84 - 24) 32001234

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ báo cáo
kết thúc tại ngày 31/03/2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ báo cáo Quý I năm 2021

Đơn vị tính: VNĐ

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết Minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý | |
|---|-------|-------------|--------------------------------|------------------------------|
| | | | Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021 | Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 4,444,528,953 | 4,440,091,918 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| - Khấu hao TSCĐ | 02 | | 54,447,576 | 172,737,948 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | | (343) | 2,974,102 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (5,623,696) | (697,639) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 58,621,370 | 233,278,184 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 4,551,973,860 | 4,848,384,513 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (94,111,627,708) | (21,545,216,194) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (3,675,029,723) | (4,781,192,544) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp) | 11 | | 72,715,522,326 | 25,531,362,192 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (43,703,325) | 73,910,813 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (58,621,370) | (233,278,184) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | 1,818,883 | - |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | | (7,043,634) | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (20,626,710,691) | 3,893,970,596 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| - Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 1,818,883 | - |
| - Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | (431,650,000,000) | (1,948,555,000) |
| - Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 5,623,696 | 697,639 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (431,642,557,421) | (1,947,857,361) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| - Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH | 31 | | 449,793,400,000 | - |
| 2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành | 32 | | Tỷ lệ phần sở hữu tại ngày | - |
| - Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | VII.1 | 2,000,000,000 | - |
| - Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | VII.2 | (800,000,000) | (4,442,499,999) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 450,993,400,000 | (4,442,499,999) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | (1,275,868,112) | (2,496,386,764) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 3,089,601,949 | 4,992,959,882 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | (2,974,102) |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | | 1,813,733,837 | 2,493,599,016 |

Người lập biểu



Bùi Thị Thanh Thủy

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Lê

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2021

Tổng Giám đốc



Lê Đình Vinh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động Từ ngày 01/01/2021 đến 31/03/2021

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Tập đoàn EVERLAND ("Công ty"), hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp: 0104228175 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/10/2009 và thay đổi bổ sung lần thứ 21 ngày 02/03/2021.

Vốn điều lệ của Công ty là: 1.050.000.000.000 đồng

(Bằng chữ: Một nghìn không trăm năm mươi tỷ đồng chẵn).

| Cơ cấu vốn điều lệ: | Cổ phần | Thành tiền | Phần trăm |
|---------------------|--------------------|--------------------------|-------------|
| Ông Lê Đình Vinh | 26,600,000 | 266,000,000,000 | 25.33% |
| Ông Nguyễn Thúc Cẩn | 7,875,000 | 78,750,000,000 | 7.50% |
| Các cổ đông khác | 70,525,000 | 705,250,000,000 | 67.17% |
| Tổng Cộng | 105,000,000 | 1,050,000,000,000 | 100% |

Trụ sở chính: Tầng 3, Tòa nhà 97 - 99 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

Thông tin chi tiết về chi nhánh

Tên chi nhánh: Công ty Cổ phần Tập đoàn Everland - Chi nhánh Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà VOV số 7 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 19/11/2019 và sửa đổi bổ sung lần 1 ngày 02/07/2020

3. **Lĩnh vực kinh doanh:** kinh doanh bất động sản, đầu tư phát triển dự án bất động sản, kinh doanh thương mại, xây lắp,...

4. **Ngành nghề kinh doanh**

- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Tổ chức giới thiệu, xúc tiến thương mại.
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn, bán lẻ máy móc, thiết bị, phụ tùng máy nông nghiệp
- Bán buôn, bán lẻ vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn đồ uống;
- Phá dỡ, hoàn thiện công trình.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN EVERLAND

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 97 - 99 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam Cho kỳ báo cáo
 Điện thoại: (+84 - 24)66668080 - Fax: (+84 - 24) 32001234 kết thúc tại ngày 31/03/2021

- Khai thác quặng kim loại quý hiếm (trừ loại nhà nước cấm). Khai thác đá, cát sỏi, đất sét.
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống xây dựng khác;
- Lập dự án đầu tư, xây dựng công trình;
- Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 như sau :

| Tên Công ty con | Địa chỉ | Tỷ lệ phần sở hữu tại ngày 31/03/2021 | Tỷ lệ quyền biểu quyết tại ngày 31/03/2021 | Hoạt động chính |
|--|---------|---------------------------------------|--|--|
| 1. Công ty CP Everland Vân Đồn | Hà Nội | 60.00% | 60.00% | Kinh doanh BĐS, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê |
| 2. Công ty CP Phát triển Y học An Việt | Hà Nội | 98% | 98.00% | Đầu tư các dự án về y tế, resort, khách sạn,... |
| 3. Công ty CP Everland Phú Yên | Hà Nội | 60% | 60.00% | Kinh doanh BĐS, đầu tư, XD, du lịch lễ hành, thương mại, Dv,... |

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm : bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.
 Đây là Báo cáo tài chính Quý 1 nên kỳ kế toán bắt đầu từ 01/01/2021 đến 31/03/2021.
2. Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán, lập và trình bày báo cáo tài chính là: Đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.
2. Tuyên bố tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:
 Chúng tôi, Công ty cổ phần Đầu tư Everland, tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

1. Các loại tỷ giá hối đoái sử dụng trong kế toán:
 - a Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN EVERLAND

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 97 - 99 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam Cho kỳ báo cáo
Điện thoại: (+84 - 24)66668080 - Fax: (+84 - 24) 32001234 kết thúc tại ngày 31/03/2021

- Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:
- + Tỷ giá giao dịch khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại.
- + Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

b Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ: Tỷ giá ghi sổ gồm tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hoặc tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động.

- Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh: Là tỷ giá khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định theo tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc tại thời điểm đánh giá lại cuối kỳ của từng đối tượng.

- Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động là tỷ giá được sử dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, được xác định trên cơ sở lấy tổng giá trị được phản ánh tại bên Nợ tài khoản tiền chia cho số lượng ngoại tệ thực có tại thời điểm thanh toán.

c Nguyên tắc áp dụng tỷ giá trong kế toán:

- Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với:

- + Các tài khoản phản ánh doanh thu, thu nhập khác. Riêng trường hợp bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ hoặc thu nhập có liên quan đến doanh thu nhận trước hoặc giao dịch nhận trước của người mua thì doanh thu, thu nhập tương ứng với số tiền nhận trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận trước của người mua.

- + Các tài khoản phản ánh chi phí sản xuất, kinh doanh, chi phí khác. Riêng trường hợp phân bổ khoản chi phí nhận trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ thì chi phí được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước.

- + Các tài khoản phản ánh tài sản. Riêng trường hợp tài sản được mua có liên quan đến giao dịch trả trước cho người bán thì giá trị tài sản tương ứng với số tiền trả trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước cho người bán.

- + Tài khoản loại vốn chủ sở hữu.
- + Bên Nợ các tài khoản phải thu; Bên Nợ các tài khoản vốn bằng tiền; Bên Nợ các tài khoản phải trả khi phát sinh giao dịch trả tiền trước cho người bán.
- + Bên Có các tài khoản phải trả; Bên Có các tài khoản phải thu khi phát sinh giao dịch nhận trước tiền của người mua.
- Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các loại tài khoản sau:
 - + Bên Có các tài khoản phải thu (ngoại trừ trường hợp giao dịch nhận trước tiền của người mua); Bên Nợ tài khoản phải thu khi tất toán khoản tiền nhận trước của người mua do đã chuyển giao sản phẩm, hàng hoá, TSSCĐ, cung cấp dịch vụ, khối lượng được nghiệm thu; Bên Có các tài khoản ký cược, ký quỹ, chi phí trả trước.
 - + Bên Nợ các tài khoản phải trả (ngoại trừ giao dịch trả trước tiền cho người bán); Bên Có tài khoản phải trả khi tất toán khoản tiền ứng trước cho người bán do đã nhận được sản phẩm, hàng hoá, TSSCĐ, dịch vụ, nghiệm thu khối lượng.
- + Trường hợp trong kỳ phát sinh nhiều khoản thu hoặc phải trả bằng ngoại tệ với cùng một đối tượng thì tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền di động của các giao dịch đối với các đối tượng đó.
- Khi thực hiện thanh toán bằng ngoại tệ, tỷ giá bình quân gia quyền di động được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán ở Bên Có các tài khoản tiền.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền của doanh nghiệp. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản đầu tư khác có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty con, đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư hoặc ngày mua trái phiếu.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời gian đáo hạn không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Các khoản không được phân loại là ngắn hạn thì được phân loại lại là dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu không được khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho và phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho không bao gồm giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn và giá trị thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn.

Những chi phí không được tính vào giá gốc hàng tồn kho:

- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp....

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn đầu kỳ + Giá trị hàng nhập trong kỳ - Giá trị hàng xuất trong kỳ. (Phương pháp tính giá hàng xuất kho theo phương pháp Bình quân gia quyền).

Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: Theo phương pháp Kế khai thường xuyên.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm lập Báo cáo tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Tăng giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình và thuê tài chính

Tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo 03 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá) và cả chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

| Loại tài sản | Thời gian KH |
|-------------------------|--------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 - 50 năm |
| Máy móc thiết bị | 03 - 12 năm |
| Phương tiện vận tải | 06 - 10 năm |
| Thiết bị quản lý | 03 - 10 năm |
| Tài sản cố định khác | 03 - 05 năm |
| Tài sản cố định vô hình | 03 - 50 năm |

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí trả trước

- Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.
- Các loại chi phí trả trước dài hạn bao gồm
 - Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng, thuê hoạt động tài sản cố định.
 - Chi phí mua bảo hiểm và các loại lệ phí mà doanh nghiệp mua và trả một lần cho nhiều kỳ kế toán.
 - Công cụ, dụng cụ, bao bì luân chuyển đồ dùng cho thuê liên quan đến hoạt động nhiều kỳ kế toán.
 - Chi phí trả trước về lãi tiền vay hoặc lãi trái phiếu ngay khi phát hành.
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn, doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ và phân bổ tối đa không quá 3 năm
- Số chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của TSCĐ bán và thuê lại là thuê hoạt động.
- Trường hợp hợp nhất kinh doanh không dẫn tới quan hệ công ty mẹ - công ty con có phát sinh lợi thế thương mại hoặc khi cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước có phát sinh lợi thế kinh doanh.
- Các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

8. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, và các khoản phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời gian đáo hạn không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là phải trả ngắn hạn.
- Các khoản không được phân loại là ngắn hạn thì được phân loại lại là dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hoá.

Đối với các khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chính sách kế toán áp dụng cho chi phí đi vay Công ty thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán số 16 về Chi phí đi vay, cụ thể:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hoá đơn hoặc chưa đủ hồ sơ tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Ngoài ra chi phí phải trả còn phản ánh các khoản phải trả cho người lao động trong kỳ như phải trả về tiền lương nghỉ phép và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo phải trích trước như:

Chi phí trong thời gian doanh nghiệp ngừng sản xuất theo mùa vụ.

Trích trước chi phí lãi tiền vay phải trả trong trường hợp vay trả lãi sau, lãi trái phiếu trả sau.

Trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng hoá, thành phẩm bất động sản đã bán.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.

Các khoản dự phòng phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại nhưng thường chưa xác định được thời gian thanh toán cụ thể. Các khoản này được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra.
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và

- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Các khoản dự phòng phải trả này thường được ước tính và có thể chưa xác định được chắc chắn số sẽ phải trả. Các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa nhận hàng hoá, hàng hoá dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh được phản ánh là dự phòng phải trả. Các trích trước được phản ánh vào dự phòng phải trả được, như:

Chi phí sửa chữa lớn của những tài sản đặc thù do việc sửa chữa lớn có tính chu kỳ, doanh nghiệp được phép trích trước chi phí sửa chữa lớn cho năm kế hoạch hoặc một số năm tiếp theo.

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây dựng, tái cơ cấu;

Các khoản dự phòng phải trả khác.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện:

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; Khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; Và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: Khoản chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hoá, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống... Không hạch toán vào doanh thu chưa thực hiện các khoản:

- Tiền nhận trước của người mua mà doanh nghiệp chưa cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ;
- Doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ;

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu bao gồm:

+ Vốn góp ban đầu, góp bổ sung của các chủ sở hữu.

+ Các khoản được bổ sung từ các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu, lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái đều được phản ánh ngày vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh.

Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng, được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn đồng thời cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng theo 1 trong 2 trường hợp sau:

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng

- được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu;

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

Lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, chiết khấu thanh toán được hưởng khi mua hàng hoá dịch vụ...

Cổ tức lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư.

Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.

Lãi tỷ giá hối đoái và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác

16. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu được điều chỉnh giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì được coi là sự kiện cần được điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước)

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước sau điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

17. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán ra trong kỳ. Ngoài ra nó phản ánh đến các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nghiệp vụ cho thuê bất động sản đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Chi phí nguyên vật liệu, nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn trong kỳ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua nếu khi xuất bán hàng hoá mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì ghi giảm giá vốn hàng bán.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ được ghi giảm giá vốn hàng bán.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác được ghi giảm chi phí tài chính tài chính.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng của doanh nghiệp là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản hoàn nhập dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hoá (chênh lệch giữa số phải lập dự phòng kỳ này nhỏ hơn số phải lập dự phòng kỳ trước chưa sử dụng hết) thì ghi giảm chi phí bán hàng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương và trích theo lương của nhân viên quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, chi phí công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

Hoàn nhập số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số phải lập dự phòng kỳ này nhỏ hơn số phải lập dự phòng kỳ trước chưa sử dụng hết) được ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VND)

| 1. Tiền | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|----------------------|----------------------|
| Tiền mặt | 1,799,273,343 | 1,032,710,242 |
| Tiền gửi Ngân hàng | 14,460,494 | 2,056,891,707 |
| <i>Tiền gửi ngân hàng VND</i> | <i>14,460,494</i> | <i>2,056,891,707</i> |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Đông Đô | 1,574,262 | 1,808,307,829 |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thường Tín - CN Thăng Long | 69,971 | 69,971 |
| Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Đông Đô | 1,504 | 1,504 |
| Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Hà Nội | 1,678,816 | 1,760,918 |
| Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Hoàng Quốc Việt | 847,315 | 1,077,915 |
| Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Thành Đô | - | 3,139,720 |
| Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hoàn Kiếm | 2,067,018 | 239,069,470 |
| Ngân hàng TMCP Á Châu- CN Hà Thành | 200,000 | 320,000 |
| Ngân hàng SHB - CN Trung Hòa Nhân Chính | 5,690,468 | 311,406 |
| Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam - CN Bắc Hà Nội | 593,548 | 593,255 |
| Ngân hàng PV Combank - CN Hai Bà Trưng | 1,737,592 | 1,736,735 |
| Ngân hàng TMCP Bảo Việt | - | 502,984 |
| <i>Tiền gửi Ngân hàng USD</i> | <i>-</i> | <i>2,106,729</i> |
| Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hoàn Kiếm | - | 2,106,729 |
| Cộng | 1,813,733,837 | 3,089,601,949 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN EVERLAND

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 97 - 99 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (+84 - 24)66668080 - Fax: (+84 - 24) 32001234

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ báo cáo

kết thúc tại ngày 31/03/2021

2. Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư tài chính**

| TT | 00 | Số cuối kỳ | | | Số đầu năm | | | | |
|----|--|------------|------------------------|----------|------------------------|-----------|------------------------|----------|------------------------|
| | | Tỷ lệ QSH | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý | Tỷ lệ QSH | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý |
| 1 | Công ty Cổ phần phát triển Y Học An Việt (1) | 98.00% | 98,009,000,000 | - | 98,009,000,000 | 98.00% | 98,009,000,000 | - | 98,009,000,000 |
| 2 | Công ty Cổ phần Crystal Holidays (2) | 37.25% | 223,500,700,000 | - | 223,500,700,000 | 89.40% | 89,400,700,000 | - | 89,400,700,000 |
| 3 | Công ty Cổ phần Everland Phú Yên | 60.00% | 150,000,000,000 | - | 150,000,000,000 | 60.00% | 54,000,000,000 | - | 54,000,000,000 |
| 4 | Công ty CP Everland Vân Đồn (4) | 60.00% | 210,000,682,167 | - | 210,000,682,167 | 0.62% | 8,450,682,167 | - | 8,450,682,167 |
| 5 | Công ty CP đầu tư Xuân Đài Bay | 14.71% | 25,000,000,000 | - | 25,000,000,000 | 14.71% | 25,000,000,000 | - | 25,000,000,000 |
| | Cộng | | 706,510,382,167 | - | 706,510,382,167 | | 274,860,382,167 | - | 274,860,382,167 |

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN EVERLAND

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 97 - 99 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam
 Điện thoại: (+84 - 24)6668080 - Fax: (+84 - 24) 32001234

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng
 Cho kỳ báo cáo
 kết thúc tại ngày 31/03/2021

| 3. Phải thu khách hàng | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|------------------------|----------|-----------------------|----------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Phải thu khách hàng ngắn hạn | 115,875,218,278 | - | 21,664,545,485 | (117,861,983) |
| a Phải thu khách hàng không là các bên liên quan | 114,091,324,833 | - | 20,102,591,655 | (117,861,983) |
| Công ty cổ phần PJACA GROUP | 40,413,870,253 | - | - | - |
| Công ty Cổ phần Văn Phong Toàn Cầu | 30,932,520,509 | - | - | - |
| Công ty Cổ phần Dầu Tư Phát Triển Nhà và Đô Thị Vinacone | 13,225,704,589 | - | - | - |
| Công ty TNHH Thương mại Hà Vĩnh | 7,802,271,339 | - | 8,177,124,230 | - |
| Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh | 6,349,427,093 | - | - | - |
| Công ty Cổ phần ĐIPT Đô thị và KCN Sông Đà | 5,723,291,564 | - | 6,014,488,585 | - |
| Công ty Cổ phần tập đoàn R&H | 4,102,230,000 | - | - | - |
| Công ty CP Đầu tư phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Toà | 2,951,461,355 | - | 2,951,461,355 | - |
| Công ty Cổ phần Crystal Bay | 523,639,204 | - | 6,009,375 | - |
| Công ty TNHH Thi công đá tự nhiên Nam Sơn | 306,130,010 | - | 806,130,010 | - |
| Công ty CP Câu lạc bộ Du Thuyền Đệ Nhất - CN Hà Nội | 247,500,000 | - | 99,000,000 | - |
| Chi nhánh 207-6 Công ty TNHH MTV 207 | 211,458,250 | - | 211,458,250 | - |
| Công ty Cổ phần xây lắp và trang trí nội thất Việt Nam | 117,861,983 | - | 117,861,983 | - |
| Chi nhánh Hà Tây - Công ty CP Tập đoàn Nam Cường Hà Nội | 109,401,550 | - | 109,401,550 | - |
| Công ty Cổ phần Kiến Trúc HOH | - | - | 300,388,000 | - |
| Công ty Kinh doanh Bất động sản Viglacera | - | - | 654,402,920 | - |
| Công ty Cổ phần CPBS | 198,757,839 | - | 198,757,839 | - |
| Công ty CP Quản lý khách sạn Crystal Holidays | 328,932,693 | - | 173,971,527 | - |
| Khách hàng khác | 243,467,189 | - | 121,777,697 | (117,861,983) |
| b Phải thu khách hàng là các bên liên quan | 1,783,893,445 | - | 1,561,953,830 | - |

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN EVERLAND

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 97 - 99 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam
 Điện thoại: (+84 - 24)6668080 - Fax: (+84 - 24) 32001234

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ báo cáo
 kết thúc tại ngày 31/03/2021

| | | | | |
|--|---------------|---|---------------|---|
| Công ty Luật TNHH Vietthink | 1,462,530,556 | - | 1,420,368,881 | - |
| Công ty CP Phát triển Y học An Việt | 76,744,689 | - | 41,027,832 | - |
| Công ty CP Everland Phú Yên | - | - | - | - |
| Công ty CP Thiên Việt Resort & Spa | 244,618,200 | - | 100,557,117 | - |
| 3.2 Phải thu khách hàng dài hạn | - | - | - | - |

Cộng 115,875,218,278 - 21,664,545,485 (117,861,983)

| 4. Trả trước cho người bán | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|---------------|----------|---------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| <i>a Trả trước cho người bán không là các bên liên quan</i> | 2,507,472,546 | - | 2,967,271,181 | - |
| | 2,507,472,546 | - | 2,967,271,181 | - |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư EIG | 904,140,545 | - | 904,140,545 | - |
| Công ty Cổ phần Vận Tải và Thương Mại VEAM | 588,000,001 | - | 836,002,561 | - |
| Viện Quy hoạch Xây dựng Hà Nội | 512,582,000 | - | 512,582,000 | - |
| Tổng Công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam - CTPC | 240,000,000 | - | - | - |
| Khách hàng khác | 262,750,000 | - | 714,546,075 | - |
| <i>b Trả trước cho người bán là các bên liên quan</i> | - | - | - | - |
| Cộng | 2,507,472,546 | - | 2,967,271,181 | - |

| 5. Phải thu khác | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|-----------------------------------|-------------|----------|-------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| 5.1 Phải thu khác ngắn hạn | 804,251,340 | - | 804,251,340 | - |
| <i>Phải thu khác</i> | 804,251,340 | - | 804,251,340 | - |

(Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời của Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN EVERLAND

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 97 - 99 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam
 Điện thoại: (+84 - 24)6668080 - Fax: (+84 - 24) 32001234

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng
 Cho kỳ báo cáo
 kết thúc tại ngày 31/03/2021

| | | | | |
|---|------------------------|---|------------------------|---|
| Phải thu ký quỹ, ký cược | 804,251,340 | - | 804,251,340 | - |
| 5.2 Phải thu khác dài hạn | 302,505,372,150 | - | 302,151,024,150 | - |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Sudico | 150,000,000 | - | 150,000,000 | - |
| Liên Danh Quang Lợi - Everland - Trường Phúc | 500,000,000 | - | 500,000,000 | - |
| Công ty Cổ phần Câu lạc bộ Du thuyền Đệ Nhất (*) | 300,000,000,000 | - | 300,000,000,000 | - |
| Công ty CP đầu tư Everland - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh | 10,000,000 | - | 10,000,000 | - |
| Ông Trần Mạnh Dũng | 354,348,000 | - | - | - |
| Công ty CP Phát triển Kinh Doanh BĐS Đông Dương | 1,491,024,150 | - | 1,491,024,150 | - |
| Cộng | 303,309,623,490 | - | 302,955,275,490 | - |

(1) Đặt cọc 3 tháng tiền thuê bao gồm phí quản lý và phí dịch vụ với Công ty TNHH đầu tư thương mại và dịch vụ BĐS Trung Sơn để thuê mặt bằng tại tầng 5 tòa nhà VOV số 7 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

(2) Hợp đồng hợp tác đầu tư số: 2512/2018/HĐHTĐT/ĐTDN-EVG ngày 25/12/2018 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Câu lạc bộ Du thuyền Đệ Nhất để đầu tư vào Dự án Khu du lịch và dịch vụ Du thuyền Đệ Nhất tại thôn Ngọc Diêm và Tân Đảo, xã Ninh Ích, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Dự án đã được cấp giấy chứng nhận do UBND tỉnh Khánh Hòa cấp chứng nhận lần đầu ngày 25/11/2011. Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 19/04/2015.

Tổng vốn đầu tư dự án: 1.200 tỷ VND.

Phân chia lợi nhuận: Công ty cổ phần Tập đoàn Everland hưởng 40%, Công ty Cổ phần Câu lạc bộ Du thuyền Đệ Nhất hưởng 60%

Đây là dự án đầu tư xây dựng khu du lịch và dịch vụ du thuyền với đầy đủ các công năng: Câu lạc bộ du thuyền, khu đóng thuyền gỗ, khu đóng thuyền nhựa composite, khu hoàn thiện nội thất du thuyền, bãi chõa du thuyền trên cạn, ... theo tiêu chuẩn quốc tế. Theo báo cáo tiến độ của Công ty CP Câu lạc bộ Du thuyền Đệ Nhất, chủ đầu tư đã hoàn thành quy chủ, xác minh, đo đạc, kiểm đếm được toàn bộ diện tích đất trong ranh giới dự án, đồng thời hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng đạt 50% diện tích. Hiện nay Chủ đầu tư đang đã làm việc với các đơn vị tư vấn trong và ngoài nước để lập hồ sơ xin điều chỉnh quy mô, chức năng của Dự án, trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

(3) Thỏa thuận liên danh tham gia thực hiện dự án đường QL1 (Phú Khê) - Trung tâm hành chính xã Hòa Tâm - Khu công nghiệp Hòa Hiệp 2, tỉnh Phú Yên theo hình thức hợp đồng BT trên nguyên tắc cùng góp vốn để nghiên cứu và đề xuất dự án.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN EVERLAND

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 97 - 99 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam
 Điện thoại: (+84 - 24)66668080 - Fax: (+84 - 24) 32001234

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng
 Cho kỳ báo cáo
 kết thúc tại ngày 31/03/2021

Các bên tham gia: Công ty Quảng Lợi, Công ty cổ phần Tập đoàn Everland và Công ty cổ phần Bất Động Sản Trường Phúc.

Tỷ lệ tham gia liên danh: Công ty Quảng Lợi 40%, Công ty cổ phần Tập đoàn Everland 30% và Công ty cổ phần BĐS Trường Phúc: 30%.

(4) Công ty cổ phần Tập đoàn Everland đặt cọc 3 tháng tiền thuê cho Công ty CP Dịch vụ Sudico để thuê tầng 1 tòa nhà CT1 khu đô thị Mỹ Đình - Mễ Trì - P Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội.

(5) Công ty cổ phần Tập đoàn Everland đặt cọc 3 tháng tiền thuê cho Công ty TNHH đầu tư thương mại và dịch vụ BĐS Đông Dương để thuê toàn bộ mặt bằng tầng 3, tòa nhà 97-99 Láng Hạ, theo hợp đồng số 0108/2019, thời hạn hợp đồng 5 năm từ 01/10/2019.

| 6. Hàng tồn kho | Số cuối kỳ | | Số đầu kỳ | |
|-------------------------------------|------------------------|----------|------------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Hàng đang đi trên đường | 3,781,498,926 | - | 3,770,876,986 | - |
| Nguyên vật liệu | 8,352,058,994 | - | 9,455,454,577 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 175,031,466,180 | - | 170,263,662,814 | - |
| Cộng giá gốc hàng tồn kho | 187,165,024,100 | - | 183,489,994,377 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN EVERLAND

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 97 - 99 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (+84 - 24)66668080 - Fax: (+84 - 24) 32001234

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ báo cáo

kết thúc tại ngày 31/03/2021

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| Khoản mục | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | PTVT - truyền dẫn | Thiết bị quản lý | Tổng cộng |
|-----------------------------------|------------------------|------------------|-------------------|------------------|---------------|
| Nguyên giá tài sản cố định | | | | | |
| Số dư đầu năm | 343,733,280 | 383,636,364 | 3,733,230,818 | - | 4,460,600,462 |
| - Mua trong năm | - | - | - | - | - |
| - XDCB hoàn thành | - | - | - | - | - |
| - Tăng khác | - | - | - | - | - |
| - Chuyển sang BĐS đầu tư | - | - | - | - | - |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | - | - | - | - |
| - Giảm khác | - | - | - | - | - |
| Số dư cuối năm | 343,733,280 | 383,636,364 | 3,733,230,818 | - | 4,460,600,462 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số dư đầu năm | 343,733,280 | 383,636,364 | 2,986,694,060 | | 3,714,063,704 |
| - Khấu hao trong năm | - | - | 54,447,576 | | 54,447,576 |
| - Tăng khác | - | - | - | - | - |
| - Chuyển sang BĐS đầu tư | - | - | - | - | - |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | - | - | - | - |
| - Giảm khác | - | - | - | - | - |
| Số dư cuối kỳ | 343,733,280 | 383,636,364 | 3,041,141,636 | - | 3,768,511,280 |
| Giá trị còn lại của TSCĐ | | | | | |
| - Tại ngày đầu năm | - | - | 746,536,758 | - | 746,536,758 |
| - Tại ngày cuối năm | - | - | 692,089,182 | - | 692,089,182 |

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN EVERLAND

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 97 - 99 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam

Cho kỳ báo cáo

Điện thoại: (+84 - 24)66668080 - Fax: (+84 - 24) 32001234

kết thúc tại ngày 31/03/2021

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------------------|-----------------------|
| 8. Chi phí trả trước | | |
| 8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn | 78,180,611 | 34,477,286 |
| Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ | 70,130,730 | 18,039,086 |
| Chi phí mua bảo hiểm ngắn hạn | 4,465,881 | 11,510,200 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 3,584,000 | 4,928,000 |
| 8.2 Chi phí trả trước dài hạn | - | - |
| Cộng | 78,180,611 | 34,477,286 |
| 9. Vay và nợ thuê tài chính (chi tiết tại phụ lục 01) | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Vay và nợ ngắn hạn | 3,800,000,000 | 2,600,000,000 |
| Vay và nợ dài hạn | - | - |
| Cộng | 3,800,000,000 | 2,600,000,000 |
| 10. Phải trả người bán | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| <i>Phải trả người bán ngắn hạn</i> | | |
| a Phải trả người bán không là các bên liên quan | 155,347,127,866 | 78,148,083,310 |
| Công ty TNHH xây dựng và thương mại An Thuận | 71,851,676,970 | 19,758,366,855 |
| Công ty Cổ phần Bất Động Sản và Xây dựng Kinh Bắc | 69,970,261,858 | 46,556,404,207 |
| Công ty Cổ phần Thép Sài Gòn | 6,237,146,124 | - |
| Công ty TNHH Newland Holdings Việt Nam | 5,644,174,470 | - |
| Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Thịnh Gia Phú | 612,579,951 | 573,769,770 |
| Công ty TNHH Đầu tư Phát triển và Thương mại Hưng Phát | 167,778,219 | - |
| Công ty CP Sản xuất TM Dịch vụ Đại Lợi Phát | 164,304,840 | 517,542,410 |
| Công ty TNHH Thương Mại và Xây Dựng Nam Thanh | 110,000,000 | 634,678,000 |
| Công ty TNHH Thiết bị Hùng Phát | - | 9,570,506,336 |
| Khách hàng khác | 589,205,434 | 536,815,732 |
| b Phải trả người bán là các bên liên quan | 71,851,936 | 11,210,000 |
| Công ty Cổ phần Everland Phú Yên | 60,641,936 | - |
| Công ty CP Crystal Holidays | 11,210,000 | 11,210,000 |
| Cộng | 155,418,979,802 | 78,159,293,310 |
| 11. Người mua trả tiền trước | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | | |
| <i>Người mua trả tiền trước không là các bên liên quan</i> | 496,149,554 | 3,379,947,690 |

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN EVERLAND**Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng**

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 97 - 99 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam

Cho kỳ báo cáo

Điện thoại: (+84 - 24)66668080 - Fax: (+84 - 24) 32001234

kết thúc tại ngày 31/03/2021

| | | |
|--|--------------------|----------------------|
| Công ty cổ phần Lexus Thăng Long | 303,732,000 | 303,732,000 |
| Công ty CP tư vấn đầu tư SDU | 111,563,000 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và chuyên giao Khoa học Công nghệ | 80,854,554 | - |
| Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh | - | 3,076,215,690 |
| <i>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</i> | - | 370,926,148 |
| Công ty CP Crystal Holidays | - | 370,926,148 |
| Cộng | 496,149,554 | 3,750,873,838 |

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

| | Số đầu kỳ | Số phải nộp trong kỳ | Số đã thực nộp trong kỳ | Số cuối kỳ |
|--------------------|----------------------|-----------------------|-------------------------|----------------------|
| Thuế GTGT | 652,247,243 | 16,994,492,853 | 17,559,652,084 | 87,088,012 |
| Thuế TNDN | 4,614,553,232 | 890,314,518 | - | 5,504,867,750 |
| Thuế XNK | - | 33,442,338 | 33,442,338 | - |
| Thuế TNCN | 28,800,000 | - | 28,800,000 | - |
| Các loại thuế khác | - | 5,500,000 | 5,500,000 | - |
| Cộng | 5,295,600,475 | 17,923,749,709 | 17,627,394,422 | 5,591,955,762 |

13. Chi phí phải trả

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Phí kiểm toán BCTC | 4,208,219 | 127,272,727 |
| Chi phí phục vụ công trình | 2,342,570,010 | 2,596,770,010 |
| Chi phí lãi vay | 277,272,727 | 1,709,589 |
| Cộng | 2,624,050,956 | 2,725,752,326 |

14. Các khoản phải trả khác

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|--------------------|--------------------|
| 14.1 Ngắn hạn | 599,414,810 | 577,181,602 |
| Kinh phí công đoàn | 3,000,000 | 3,000,000 |
| Bảo hiểm xã hội | 67,575,000 | 50,678,700 |
| Bảo hiểm Y Tế | 11,925,000 | 6,985,326 |
| Bảo hiểm thất nghiệp | 5,300,000 | 3,974,800 |
| Phải trả, phải nộp khác | 511,614,810 | 512,542,776 |
| 14.2 Phải trả ký quỹ, ký cược dài hạn | 150,000,000 | 150,000,000 |
| Công ty CP ĐTPT Đô Thị và KCN Sông Đà | 150,000,000 | 150,000,000 |
| Cộng | 749,414,810 | 727,181,602 |

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN EVERLAND

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 97 - 99 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (+84 - 24)6668080 - Fax: (+84 - 24) 32001234

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ báo cáo

kết thúc tại ngày 31/03/2021

Phụ lục 01**15. Vay và nợ thuê tài chính**

| Khoản mục | Số cuối kỳ | | Trong kỳ | | Số đầu năm | |
|-------------------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|--------------------|----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay và nợ ngắn hạn | 3,800,000,000 | 3,800,000,000 | 2,000,000,000 | 800,000,000 | 2,600,000,000 | 2,600,000,000 |
| Ngân hàng OCB (1) | - | - | - | - | - | - |
| Ngân hàng TMCP Quân Đội (2) | 3,800,000,000 | 3,800,000,000 | 2,000,000,000 | 800,000,000 | 2,600,000,000 | 2,600,000,000 |
| Ngân hàng TMCP Tiên Phong (3) | - | - | - | - | - | - |
| Vay trung hạn | - | - | - | - | - | - |
| Ngân hàng TMCP Tiên Phong (3) | - | - | - | - | - | - |
| Tổng cộng | 3,800,000,000 | 3,800,000,000 | 2,000,000,000 | 800,000,000 | 2,600,000,000 | 2,600,000,000 |

(1) Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng Số: 11241.20.067.3119999.TD ký ngày 27/04/2020 hạn mức tín dụng là 25.000.000.000 đồng thời hạn cấp tín dụng là 19/03/2021 lại suất theo từng lần nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn vay là: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thương mại vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng và thi công lắp đặt công trình của khách hàng. Tài sản đảm bảo để bảo đảm cho các nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng này là: Xe ô tô nhãn hiệu Audi, biên kiểm soát 30A - 185.03, quyền đòi nợ hình thành từ phương án, động sản, các tài sản đặc biệt khác được phép nhận tài sản bảo đảm theo quy định của MB.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN EVERLAND

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 97 - 99 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam
 Điện thoại: (+84 - 24)66668080 - Fax: (+84 - 24) 32001234

Thuyết minh báo cáo tài chính
 Cho kỳ báo cáo
 kết thúc tại ngày 31/03/2021

16. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu**A- BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

| Nội dung | Vốn đầu tư chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | LN sau thuế chưa phân phối | Tổng cộng |
|-----------------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|----------------------------|-------------------|
| 1. Số dư đầu năm trước | 600,000,000,000 | (234,100,000) | 6,528,958,960 | 67,554,864,636 | 673,849,723,596 |
| - Tăng vốn trong năm trước | - | - | - | - | - |
| - Lãi trong năm trước | - | - | - | 18,140,574,095 | 18,140,574,095 |
| - Tăng khác | - | - | 26,695,506,780 | - | 26,695,506,780 |
| - Giảm vốn năm trước | - | - | - | 26,695,506,780 | 26,695,506,780 |
| - Giảm do trích lập quỹ năm trước | - | - | - | 847,753,390 | 847,753,390 |
| - Chia cổ tức lợi nhuận năm trước | - | - | - | - | - |
| - Giảm khác trong kỳ | - | - | - | 288,000,000 | 288,000,000 |
| 2. Số dư cuối năm trước | 600,000,000,000 | (234,100,000) | 33,224,465,740 | 57,864,178,561 | 690,854,544,301 |
| 3. Số dư đầu năm nay | 600,000,000,000 | (234,100,000) | 33,224,465,740 | 57,864,178,561 | 690,854,544,301 |
| - Tăng vốn trong kỳ | 450,000,000,000 | (206,600,000) | - | - | 449,793,400,000 |
| - Lãi trong kỳ | - | - | - | 3,554,214,435 | 3,554,214,435 |
| - Giảm khác trong kỳ | - | - | - | 72,000,000 | 72,000,000 |
| 4. Số dư cuối kỳ | 1,050,000,000,000 | (440,700,000) | 33,224,465,740 | 61,346,392,996 | 1,144,130,158,736 |

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN EVERLAND

Thuyết minh báo cáo tài chính

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 97 - 99 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam

Cho kỳ báo cáo

Điện thoại: (+84 - 24)66668080 - Fax: (+84 - 24) 32001234

kết thúc tại ngày 31/03/2021

| B. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|--------------------------|------------------------|
| Ông Lê Đình Vinh | 266,000,000,000 | 152,000,000,000 |
| Ông Nguyễn Thúc Cận | 78,750,000,000 | 45,000,000,000 |
| Các cổ đông khác | 705,250,000,000 | 403,000,000,000 |
| Cộng | 1,050,000,000,000 | 600,000,000,000 |
| C. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| Vốn góp đầu kỳ | 600,000,000,000 | 600,000,000,000 |
| Vốn góp tăng trong kỳ | 450,000,000,000 | |
| Vốn góp cuối kỳ | 1,050,000,000,000 | 600,000,000,000 |
| D. Cổ phiếu | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| - Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 105,000,000 | 60,000,000 |
| - Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 105,000,000 | 60,000,000 |
| + <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | <i>105,000,000</i> | <i>60,000,000</i> |
| <i>Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 như sau :</i> | | |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 105,000,000 | 60,000,000 |
| + <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | <i>105,000,000</i> | <i>60,000,000</i> |
| * Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: | 10.000 VND/ 1 Cổ phiếu | |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (ĐVT: VND)

| | Từ ngày 01/01/2021 đến 31/03/2021 | Từ ngày 01/01/2020 đến 01/03/2020 |
|---|--------------------------------------|---|
| 1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | | |
| Doanh thu bán nguyên vật liệu, hàng hóa | 160,457,892,644 | 98,645,655,280 |
| Doanh thu xây lắp | 5,381,129,951 | 5,396,769,644 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 3,403,219,761 | 2,954,634,022 |
| Cộng | 169,242,242,356 | 106,997,058,946 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | Từ ngày 01/01/2021 đến 31/03/2021 | Từ ngày 01/01/2020 đến |
| + Hàng bán bị trả lại | - | - |
| Cộng | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV | Từ ngày 01/01/2021 đến 31/03/2021 | Từ ngày 01/01/2020 đến 01/03/2020 |
| Doanh thu bán nguyên vật liệu, hàng hóa | 160,457,892,644 | 98,645,655,280 |
| Doanh thu xây lắp | 5,381,129,951 | 5,396,769,644 |

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN EVERLAND**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 97 - 99 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam

Cho kỳ báo cáo

Điện thoại: (+84 - 24)66668080 - Fax: (+84 - 24) 32001234

kết thúc tại ngày 31/03/2021

| | | | |
|---|---------------------------------------|--|--|
| | Doanh thu cung cấp dịch vụ | 3,403,219,761 | 2,954,634,022 |
| | Cộng | 169,242,242,356 | 106,997,058,946 |
| 4. Giá vốn hàng bán | | Từ ngày 01/01/2021 đến 31/03/2021 | Từ ngày 01/01/2020 đến 01/03/2020 |
| | Giá vốn bán nguyên vật liệu, hàng hóa | 157,632,941,381 | 95,074,201,681 |
| | Giá vốn xây lắp | 2,877,350,156 | 2,483,660,298 |
| | Giá vốn cung cấp dịch vụ | 2,454,939,000 | 2,592,194,900 |
| | Cộng | 162,965,230,537 | 100,150,056,879 |
| 5. Doanh thu hoạt động tài chính | | Từ ngày 01/01/2021 đến 31/03/2021 | Từ ngày 01/01/2020 đến 01/03/2020 |
| | Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 343 | 30,834 |
| | Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay | 5,623,696 | 697,639 |
| | Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại | 87,841,303 | - |
| | Cộng | 93,465,342 | 728,473 |
| 6. Chi phí hoạt động tài chính | | Từ ngày 01/01/2021 đến 31/03/2021 | Từ ngày 01/01/2020 đến 01/03/2020 |
| | Chi phí lãi vay | 58,621,370 | 233,278,184 |
| | Chênh lệch tỷ giá | - | 3,004,936 |
| | Cộng | 58,621,370 | 236,283,120 |
| 7. Chi phí bán hàng | | Từ ngày 01/01/2021 đến 31/03/2021 | Từ ngày 01/01/2020 đến 01/03/2020 |
| | Chi phí nhân viên | 356,449,650 | 135,229,608 |
| | Chi phí dịch vụ mua ngoài | - | 409,659,500 |
| | Cộng | 356,449,650 | 544,889,108 |
| 8. Chi phí quản lý doanh nghiệp | | Từ ngày 01/01/2021 đến 31/03/2021 | Từ ngày 01/01/2020 đến 01/03/2020 |
| | Chi phí nhân viên quản lý | 401,221,250 | 839,462,996 |
| | Chi phí đồ dùng văn phòng | 18,266,771 | 69,150,813 |
| | Chi phí KH TSCĐ | 54,447,576 | 217,790,304 |

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN EVERLAND**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 97 - 99 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam

Cho kỳ báo cáo

Điện thoại: (+84 - 24)66668080 - Fax: (+84 - 24) 32001234

kết thúc tại ngày 31/03/2021

| | | |
|--|--|--|
| Thuế phí, lệ phí | 4,000,000 | 5,000,000 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 945,422,769 | 467,046,173 |
| Chi phí bằng tiền khác | 6,901,536 | |
| Cộng | 1,430,259,902 | 1,598,450,286 |
| 9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | Từ ngày 01/01/2021 đến 31/03/2021 | Từ ngày 01/01/2020 đến 01/03/2020 |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 4,444,528,953 | 4,440,091,918 |
| Điều chỉnh để xác định lợi nhuận chịu thuế | 7,043,633 | 115,923,412 |
| <i>Điều chỉnh tăng</i> | 7,043,633 | 115,923,412 |
| Chi phí phạt | 7,043,633 | 27,486,370 |
| Lương, thù lao HĐQT không làm việc tại công ty | - | 54,000,000 |
| Khấu hao TCSĐ xe ô tô trên 1,6 tỷ | - | 34,437,042 |
| <i>Điều chỉnh giảm</i> | - | - |
| Tổng lợi nhuận chịu thuế | 4,451,572,586 | 4,556,015,330 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| <i>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</i> | <i>890,314,518</i> | <i>911,203,066</i> |
| 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố | Từ ngày 01/01/2021 đến 31/03/2021 | Từ ngày 01/01/2020 đến 01/03/2020 |
| Chi phí nguyên vật liệu, hàng hóa | 162,987,497,308 | 100,224,207,692 |
| Chi phí nhân viên | 757,670,900 | 974,692,604 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 54,447,576 | 217,790,304 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 945,422,769 | 876,705,673 |
| Chi phí bằng tiền khác | 6,901,536 | |
| Cộng | 164,751,940,089 | 102,293,396,273 |

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (VND)

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN EVERLAND

Thuyết minh báo cáo tài chính

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 97 - 99 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam

Cho kỳ báo cáo

Điện thoại: (+84 - 24)66668080 - Fax: (+84 - 24) 32001234

kết thúc tại ngày 31/03/2021

Trong năm không có khoản tiền nào do doanh nghiệp nắm giữ mà không được sử dụng.

| | Từ ngày 01/01/2021 đến 31/03/2021 | Từ ngày 01/01/2020 đến 01/03/2020 |
|--|--------------------------------------|---|
| | VND | VND |
| 1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 2,000,000,000 | - |
| Ngân hàng TMCP Quân Đội | 2,000,000,000 | - |
| 2. Tiền chi trả nợ gốc vay | 800,000,000 | 4,442,499,999 |
| Ngân hàng OCB | - | 4,380,000,000 |
| Ngân hàng TMCP Quân Đội | 800,000,000 | - |
| Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Tây HN | | 62,499,999 |

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1 Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm: vốn điều lệ cộng với thặng dư vốn cổ phần trừ đi cổ phiếu quỹ, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

| | Giá trị ghi sổ VND | Giá trị hợp lý VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| -Tiền và các khoản tương đương tiền | 1,813,733,837 | 1,813,733,837 |
| - Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác | 116,679,469,618 | 116,679,469,618 |

Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

| Công nợ tài chính tại 31/03/2021 | Dưới 1 năm VND | Từ 1 - 5 năm VND | Tổng cộng VND |
|-------------------------------------|-------------------|---------------------|------------------|
| Phải trả người bán | 155,418,979,802 | - | 155,418,979,802 |
| Các khoản phải trả khác | 599,414,810 | 150,000,000 | 749,414,810 |
| Vay và nợ thuê tài chính | 3,800,000,000 | - | 3,800,000,000 |

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp trong nước, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả hàng hóa.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn

2. Thông tin về các bên liên quan khác**2.1 Tên tổ chức/ cá nhân có liên quan****Mối quan hệ**

| | |
|--|---|
| Công ty CP Phát triển Y học An Việt | Công ty con |
| Công ty CP Everland Vân Đồn | Công ty con |
| Công ty CP Everland Phú Yên | Công ty con |
| Công ty CP Crystal Holidays | Công ty liên doanh, liên kết |
| Công ty Luật TNHH Vietthink | Ông Lê Đình Vinh Tổng GD Công ty cổ phần Tập đoàn Everland là Giám đốc công ty Luật TNHH Vietthink |
| Công ty CP Heritage Holding | Ông Lê Đình Vinh Tổng GD Công ty cổ phần Tập đoàn Everland là Tổng GD công ty CP Heritage Holding |
| Công ty CP Vân Đồn Heritage Road | Ông Lê Đình Vinh Tổng GD Công ty cổ phần Tập đoàn Everland là Phó CT công ty CP Vân Đồn Heritage Road |
| Công ty CP Vân Đồn Green Industrial Park | Ông Lê Đình Vinh Tổng GD Công ty cổ phần Tập đoàn Everland là Phó CT công ty CP Vân Đồn Green Industrial Park |
| Công ty CP Đầu tư Xuân Đài Bay | Ông Nguyễn Thúc Cẩn Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn Everland là Chủ tịch Công ty CP Xuân Đài Bay |
| Công ty CP Everland Đông Sơn | Cùng thành viên ban lãnh đạo là ông Nguyễn Thúc Cẩn và Bà Lê Thị Tuyền |
| Công ty TNHH MTV Fonte VN | Ông Lê Đình Tuấn TV HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn Everland là Giám Đốc Công ty TNHH MTV Fonte VN |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN EVERLAND**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 97 - 99 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam

Cho kỳ báo cáo

Điện thoại: (+84 - 24)66668080 - Fax: (+84 - 24) 32001234

kết thúc tại ngày 31/03/2021

Công ty CP Đầu tư và phát triển dịch vụ Vietcapital Ông Nguyễn Hà Nguyên TV BKS Công ty cổ phần Tập đoàn Everland là TVHĐQT Công ty CP Đầu tư và phát triển dịch vụ Vietcapital

Công ty CP DV và Thương mại Trung Lý Bà Lê Thị Tuyền P. TGD Công ty cổ phần Tập đoàn Everland là Tổng GD Công ty CP DV và Thương mại Trung Lý

Công ty Cổ phần Thiên Việt RESORT & SPA Công ty liên doanh, liên kết thông qua Công ty CP PT Y học An Việt và Công ty CP Crystal Holidays

| 2.2 Tiền lương, thù lao HĐQT, BKS và BGD | Từ ngày 01/01/2021 đến 31/03/2021 | Từ ngày 01/01/2020 đến 01/03/2020 |
|--|-----------------------------------|-----------------------------------|
| Tiền lương, thù lao HĐQT, BKS và BGD | 190,310,000 | 246,000,000 |
| Cộng | 190,310,000 | 246,000,000 |

| 2.3 Doanh thu bán hàng và CCDV | Từ ngày 01/01/2021 đến 31/03/2021 | Từ ngày 01/01/2020 đến 01/03/2020 |
|-------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|
| Công ty Luật TNHH Vietthink | 220,429,408 | 255,985,024 |
| Công ty CP Phát triển Y học An Việt | 35,716,857 | 48,470,071 |
| Công ty Cổ phần Crystal Holidays | 973,524,511 | 1,487,203,433 |
| Công ty Cổ phần Everland Phú Yên | 47,622,479 | 139,473,460 |
| Cộng | 1,277,293,255 | 1,931,131,988 |

| 2.4 Mua hàng hóa dịch vụ | Từ ngày 01/01/2021 đến 31/03/2021 | Từ ngày 01/01/2020 đến 01/03/2020 |
|-------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|
| Công ty CP Phát triển Y học An Việt | - | - |
| Công ty CP Crystal Holidays | 9,980,000 | - |
| Cộng | 9,980,000 | - |

| 2.5 Các khoản phải thu | Từ ngày 01/01/2021 đến 31/03/2021 | Từ ngày 01/01/2020 đến 01/03/2020 |
|--|-----------------------------------|-----------------------------------|
| Công ty Luật TNHH Vietthink | 1,462,530,556 | 255,985,024 |
| Công ty CP Everland Phú Yên | 50,833,973 | 139,473,460 |
| Công ty Cổ phần Crystal Holidays | 39,692,013 | 370,926,148 |
| Công ty Cổ phần Phát triển Y học An Việt | 76,744,689 | 41,027,832 |
| Cộng | 1,629,801,231 | 807,412,464 |

3 Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN EVERLAND**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà 97 - 99 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam

Cho kỳ báo cáo

Điện thoại: (+84 - 24)66668080 - Fax: (+84 - 24) 32001234

kết thúc tại ngày 31/03/2021

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp

Công ty có kinh doanh các dịch vụ chính sau:

Hoạt động kinh doanh, xây lắp

Kinh doanh dịch vụ: cho thuê xe, thuê lại văn phòng, showroom

Kinh doanh thương mại: Bán vật tư, hàng hoá.

Khu vực địa lý: Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam

Thông tin về kết quả kinh doanh, của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| Năm nay | Doanh thu theo bộ phận | Chi phí theo bộ phận | KQKD theo bộ phận |
|--|------------------------|------------------------|----------------------|
| Kinh doanh thương mại | 160,457,892,644 | 157,632,941,381 | 2,824,951,263 |
| Thi công, xây lắp | 5,381,129,951 | 2,877,350,156 | 2,503,779,795 |
| Kinh doanh dịch vụ | 3,403,219,761 | 2,454,939,000 | 948,280,761 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | 1,786,709,552 | (1,786,709,552) |
| Cộng | 169,242,242,356 | 164,751,940,089 | 4,490,302,267 |

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế Toán Hà Nội

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong kỳ hoạt động tiếp theo

6. Những thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Bùi Thị Thanh Thủy

Nguyễn Thị Hồng Lê



Lê Đình Vinh

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

